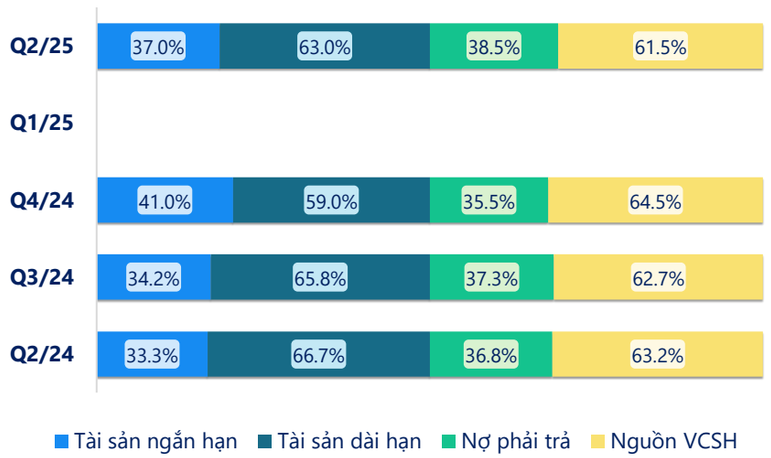
FireAnt

CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường (UPCOM: ACM)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	500
SL cổ phiếu LH	51,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	32,300
% sở hữu nước ngoài	2.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	31
P/E	
EPS	

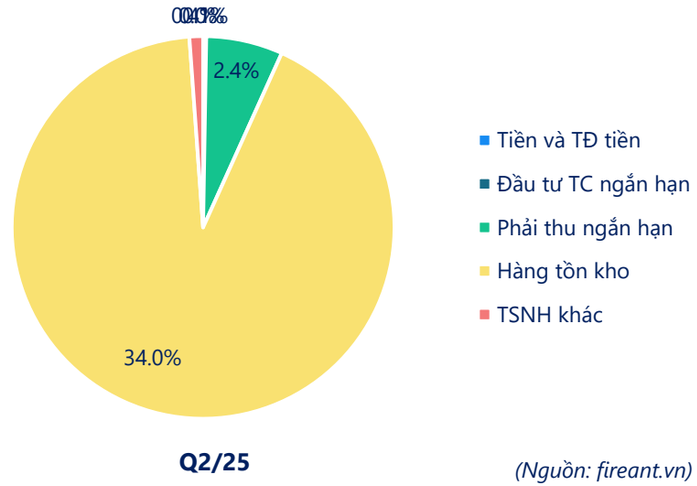
	YTD	1T	3T	6T
ACM	-14.3%	0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



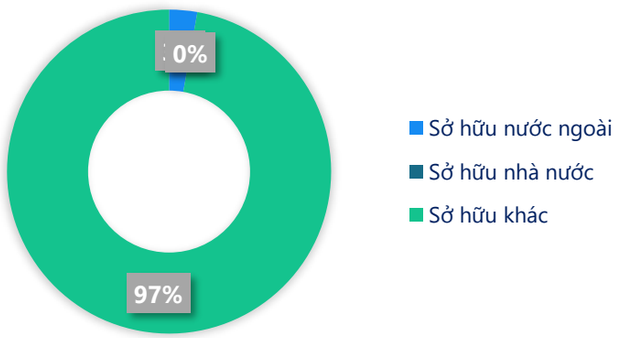
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



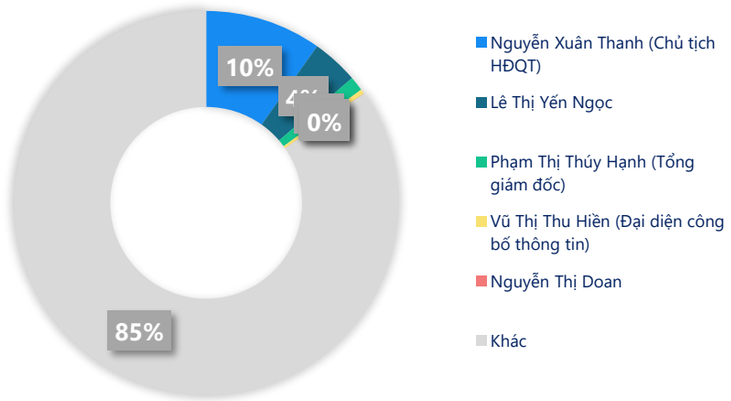
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



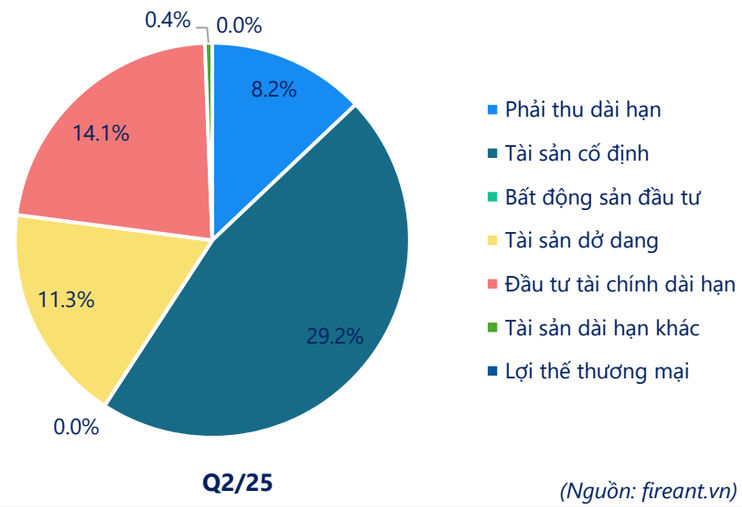
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

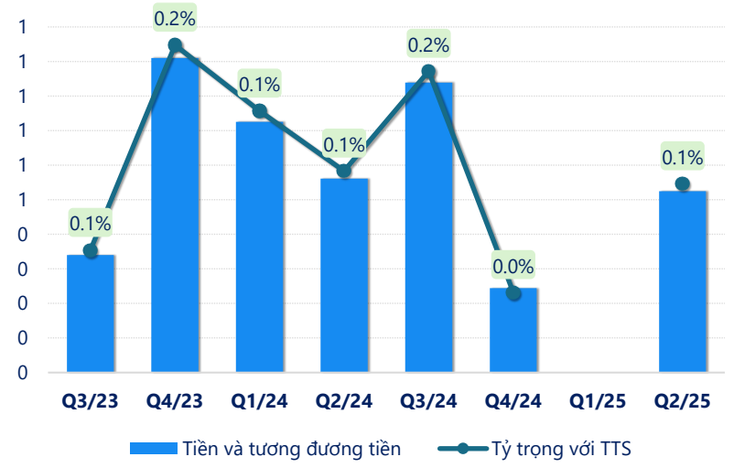


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

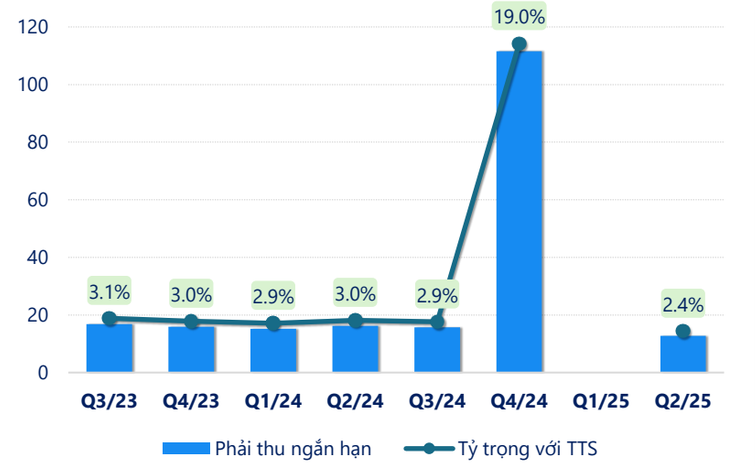
CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường (UPCOM: ACM)

Tiền và tương đương tiền



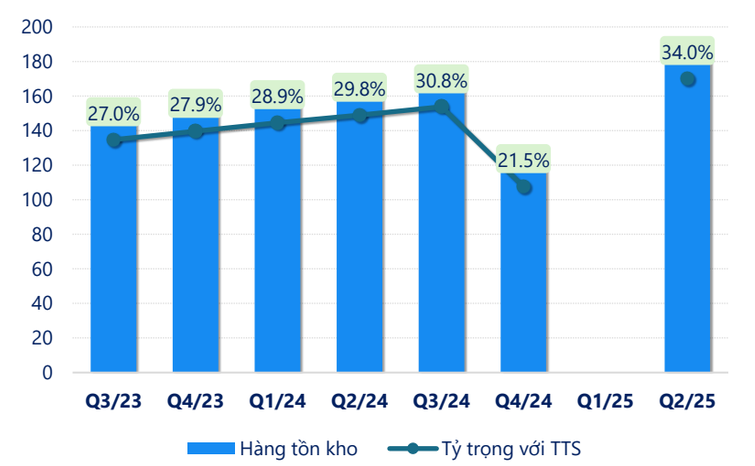
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



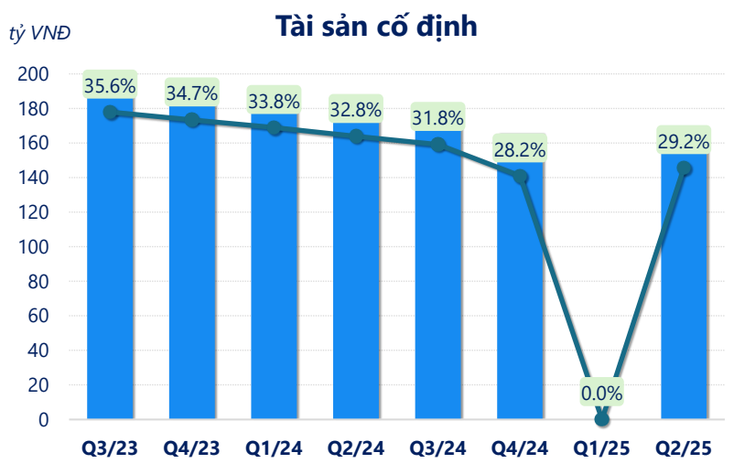
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



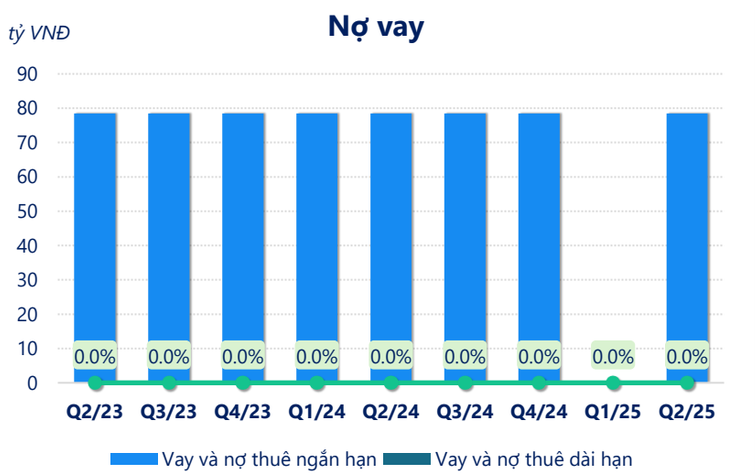
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



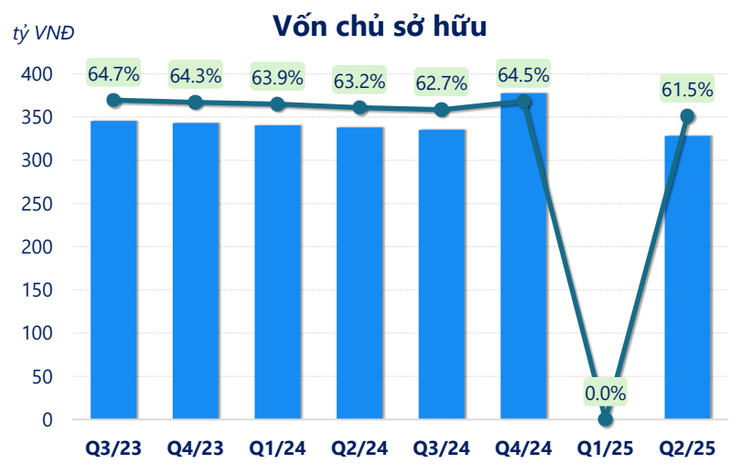
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

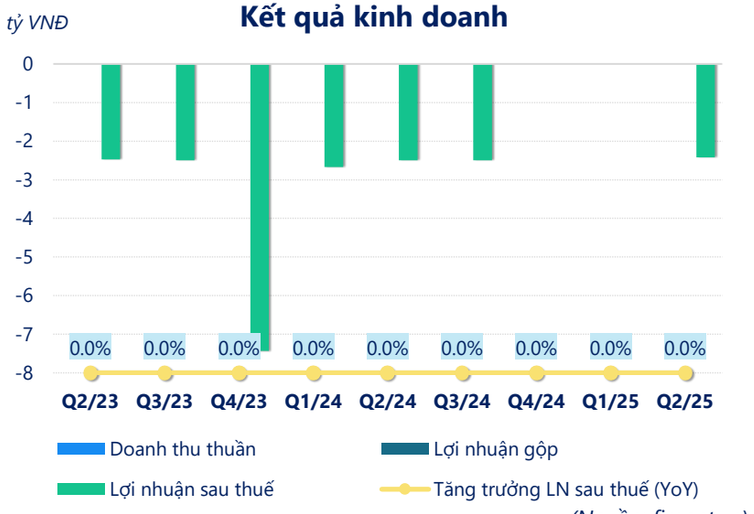


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

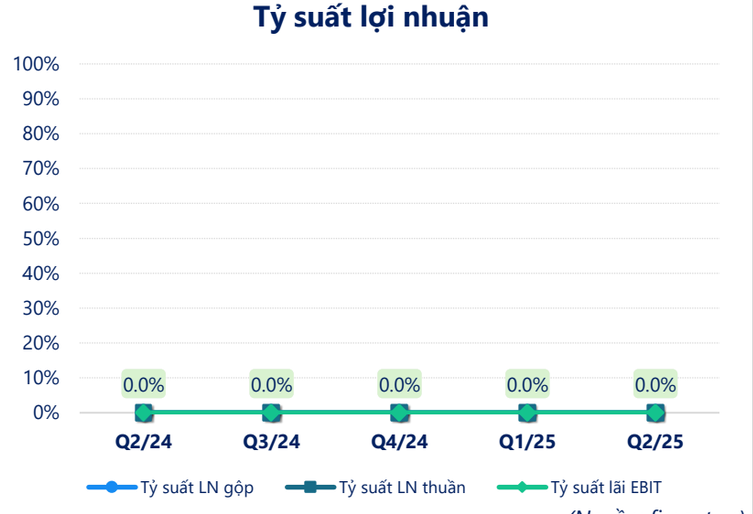
CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường (UPCOM: ACM)

Kết quả kinh doanh



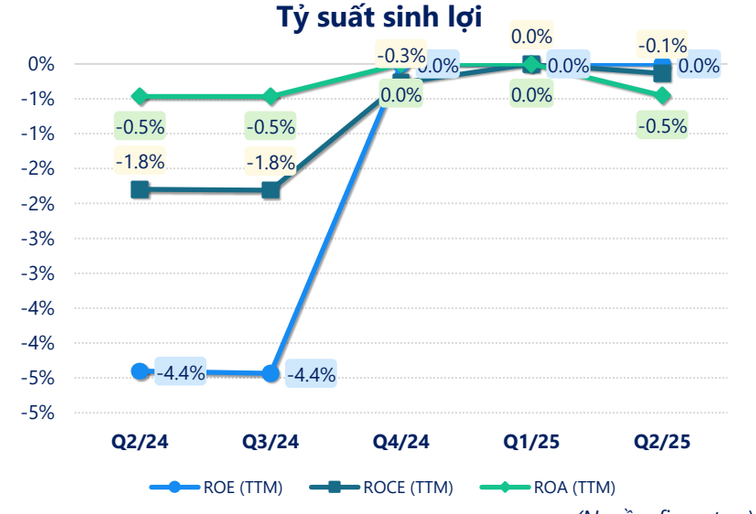
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



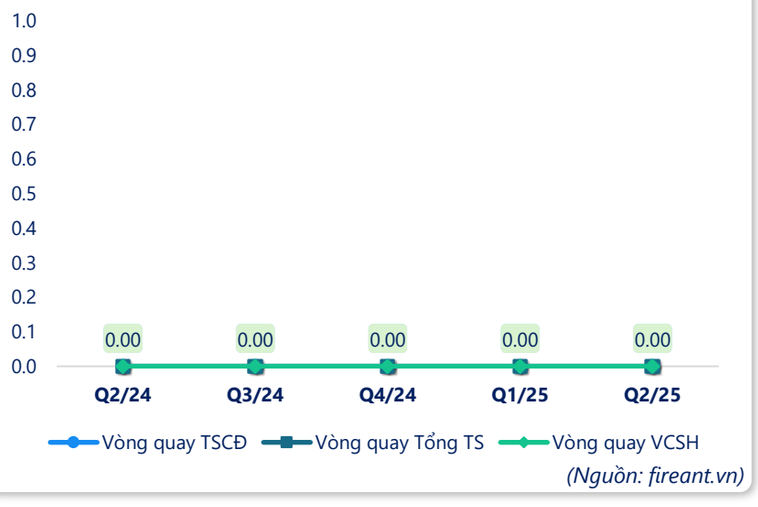
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



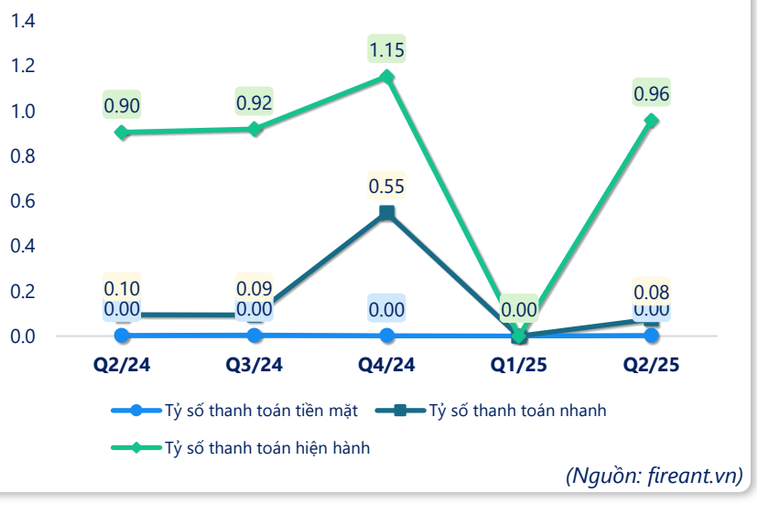
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



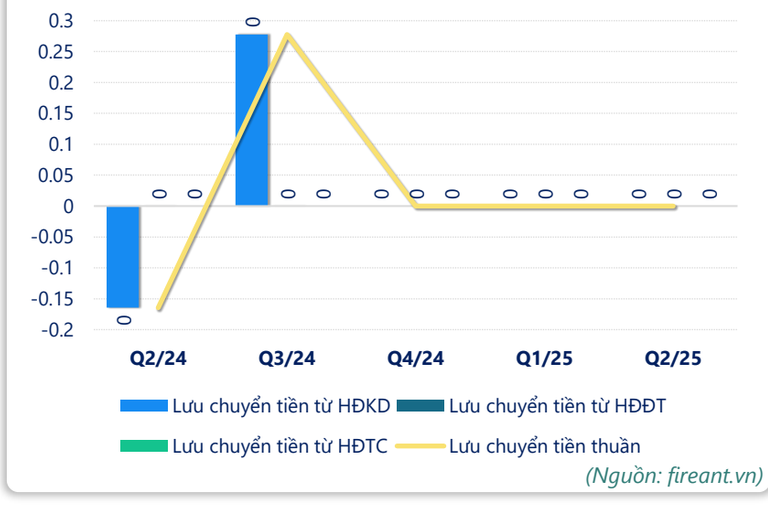
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường (UPCOM: ACM)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**534**	**586**	**-8.9%**
Tài sản ngắn hạn	197	240	-17.8%
Tiền và tương đương tiền	0.52	0.24	115%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	12.8	112	-88.5%
Hàng tồn kho	182	126	44.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.27	2.04	11.3%
Tài sản dài hạn	**336**	**346**	**-2.8%**
Phải thu dài hạn	43.5	43.5	0.0%
Tài sản cố định	156	165	-5.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	60.1	60.1	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	75.1	75.1	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.04**	**1.95**	**4.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	206	208	-1.3%
Nợ ngắn hạn	**206**	**208**	**-1.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	78.5	78.5	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.86	3.38	14.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**328**	**378**	**-13.1%**
Vốn chủ sở hữu	**328**	**378**	**-13.1%**
Vốn điều lệ	510	510	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	0	0			0
Giá vốn hàng bán	0	0			0
Lợi nhuận gộp	0	0			0
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00			0.00
Chi phí TC	2.22	2.25			2.22
Chi phí lãi vay	2.22	2.25			2.22
LN trong công ty LKLD	0	0			0
Chi phí bán hàng	0	0			0
Chi phí QLDN	0.27	0.25			0.20
LN thuần từ HĐKD	-2.50	-2.50			-2.42
Lợi nhuận khác	0	0			0
LN trước thuế	-2.50	-2.50			-2.42
Lợi nhuận sau thuế	-2.50	-2.50			-2.42
LNST của CĐ cty mẹ	-2.50	-2.50			-2.42

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.16	0.28	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.73	0.56	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.16**	**0.28**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.56	0.84	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic